TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2022
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Nguyễn Văn Ngộ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Liêng Văn K1, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Liêng Văn K1 tự nguyện kết hôn với nhau. Đến ngày 31/8/2015, chị T và anh K1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị T và anh K1 chung sống hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên cuộc sống vợ chồng không

còn hạnh phúc. Chị T và anh K1 không còn sống chung từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh K1 có 01 người con chung tên Liêng Bảo K2, sinh ngày 16/01/2016, hiện nay cháu K2 đang sống chung với chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Liêng Văn K1.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Liêng Bảo K2, sinh ngày 16/01/2016 cho đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh K1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 20 tháng 12 năm 2021, bị đơn anh Liêng Văn K1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày.

Nay trước yêu cầu của chị T, anh K1 có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh K1 đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

- Về con chung: Anh K1 đồng ý giao con chung tên Liêng Bảo K2, sinh ngày 16/01/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị T và anh K1 có 01 con chung tên Liêng Bảo K2, sinh ngày 16/01/2016, chị T và anh K1 thống nhất giao cháu K2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu K2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị T không yêu cầu anh K1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh K1.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Đề nghị tuyên theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, cư trú tại khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; anh Liêng Văn K1, cư trú tại ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh K1 và yêu cầu được trực tiếp cuôi con chung. Chị T đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn và thông báo cho chị T nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị T đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T và bị đơn anh Liêng Văn K1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T và bị đơn anh Liêng Văn K1.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1992 và anh Liêng Văn K1, sinh năm 1990 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47/2015 ngày 31 tháng 8 năm 2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Liêng Văn K1 là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị T, anh K1 hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 6 năm 2018, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T và anh K1 không còn sống chung từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Chị T và anh K1 đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T và anh K1 trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Chị T và anh K1 có 01 người con chung tên Liêng Bảo K2, sinh ngày 16/01/2016, chị T và anh K1 thống nhất giao cháu K2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu K2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không yêu cầu anh K1 cấp dưỡng nuôi cháu K2 đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh Liêng Văn K1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh K1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh K1 thống nhất anh, chị không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Liêng Văn K1 ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Liêng Bảo K2, sinh ngày 16/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Liêng Văn K1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai

được cản trở. Anh K1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh K1 thống nhất anh, chị không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/ 0007088 ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn